

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2020

V/v Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Hoàng Đăng Đán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2020, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100 ngày 02/8/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03 ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị X, sinh năm 1971; Vắng mặt. Hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1966; Vắng mặt; Hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Hiện trú tại: Thôn T, xã C, huyện C1, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Mai Thị X trình bày: Bà kết hôn với ông Trần Quốc T, sinh năm 1966, quê quán phường V, thị xã R, tỉnh Kiên Giang ngày 26/11/1992. Trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L1, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Sau ngày cưới ông bà về chung sống với nhau cùng gia đình. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, nhưng chủ yếu là do quan niệm sống không hợp nhau.

Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi ông T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn.

Đến năm 2007, gia đình ông bà đã chuyển hộ khẩu về thôn Đ, xã Đ1,

huyện G, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Năm 2010 vợ chồng bà sống ly thân. Hiện tại bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên bà xin ly hôn ông T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 09/9/1993 và Trần Bá T2, sinh ngày 13/02/2003. Các con đều khỏe mạnh. Anh H trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết. Anh T2 đang là học sinh. Ly hôn bà xin được nuôi con là Trần Bá T2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không đề nghị giải quyết.

Tại bản khai, biên bản ghi lời khai ông Trần Quốc T trình bày: Ông và Mai Thị X kết hôn năm 1992. Trước khi kết hôn ông bà có được tìm hiểu nhau tự nguyện và được UBND xã L, huyện L1, tỉnh Cần Thơ (trước đây nay là tỉnh Hậu Giang) cho đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới ông bà về chung sống với nhau. Thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Năm 2010 vợ chồng ông bà sống ly thân. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, bà X xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Trọng H, sinh ngày 09/9/1993 và Trần Bá T2, sinh ngày 13/02/2003. Hiện hai con đều khỏe mạnh. Anh H đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh T2 đang là học sinh. Ly hôn bà X xin được nuôi con chung là Trần Bá T2, ông đồng ý. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Mai Thị X được ly hôn ông Trần Quốc T.

2. Con chung: Bà Mai Thị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Bá T2 sinh ngày 13/02/2003. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị tòa án giải quyết.

3. Tài sản và công nợ không có nên không xem xét giải quyết.

Bà X phải chịu án phí theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà X có hộ khẩu thường trú tại xã Đ1, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Ông T, bà X cùng có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện G là nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án nên TAND huyện G giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị X và ông Trần Quốc T khai có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không giao nộp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn. Qua xác minh tại địa phương thấy bà X, ông T kết hôn đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật như trình bày của các đương sự là đúng, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Bà X, ông T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bà X, ông T có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải. Bà X, ông T đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay không còn quan hệ nên mục đích hôn nhân không giữa bà X và ông T đã không đạt được, Bà X xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận. HĐXX thấy cần xử cho ly hôn là phù hợp thực tế và đúng pháp luật.

[4] Con chung: Bà Mai Thị X xin nuôi con chung là Trần Bá T2, sinh ngày 13/02/2003 ông T đồng ý và hiện con chung là Trần Bá T2 đang ở với bà X và cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cho bà X nuôi là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ không đề nghị tòa án giải quyết.

[5] Bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28 Bộ luật dân sự; Điều 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Mai Thị X được ly hôn ông Trần Quốc T.

Con chung: Bà Mai Thị X trực tiếp nuôi con chung là Trần Bá T2, sinh ngày 13/02/2003. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Mai Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001641 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- UBND xã L, huyện LI;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong
(Đã ký)